

Bản án số: 08/2021/KDTM - ST

Ngày: 31/5/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và
hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Cẩn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương.

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế:
Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (Địa chỉ: Số 60 đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2021/QĐST-KDTM, ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Việt Nam T (Viết tắt VPbank); địa chỉ trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố H;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, VPBank hội sở (theo văn bản ủy quyền số 03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/3/2020);

- Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Trần Đình L, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 12322020/UQ-VPB ngày 15/4/2020 của Phó giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân; địa chỉ liên lạc: Số 112 (Tầng 4) đường P, quận H, thành phố Đ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV Q; địa chỉ: Tổ 13, khu vực 5, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Minh H, sinh năm 1976; chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV Q; địa chỉ liên lạc: Tổ 13, khu vực 5, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị Minh H, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 13, khu vực 5, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án người được ủy quyền lại của nguyên đơn ông Trần Đình L trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 270617-2865819-01-SME ngày 28/6/2017 (kèm theo khế ước nhận nợ số: 280617-2865819-01-SME ngày 28/6/2017) và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế không có tài sản đảm bảo của Công ty TNHH MTV Q do bà Phạm Thị Minh H, chức vụ: Giám đốc vay vốn của VPBank số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Thông tin cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 270617-2865819-01-SME ngày 28/6/2017 (kèm theo khế ước nhận nợ số: 280617-2865819-01-SME ngày 28/6/2017).

- Số tiền nhận nợ: 400.000.000 đồng.

- Thời hạn vay: 36 tháng.

- Lãi suất: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 21,9%/năm, mức lãi suất này sẽ được cố định trong 02 tháng đầu tiên. Hết thời hạn 2 tháng mức lãi suất sẽ được điều chỉnh 2 tháng 1 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bán vốn của bên nhận hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn từ 2 đến 3 năm và điều chỉnh lãi suất là 02M cộng biên độ 14%/năm.

- Thời hạn trả nợ: Trả nợ gốc: 1 tháng 1 lần vào ngày 25 hằng tháng. Trả lãi 1 tháng 1 lần vào ngày 25 hằng tháng. Kỳ hạn trả nợ đầu tiên vào ngày 25/7/2017.

- * Theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế không có tài sản đảm bảo: 100.000.000 đồng.

- Số tiền hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng.

- Thời hạn mức thẻ: 05 năm.

- Lãi suất: Thay đổi theo từng thời kỳ tùy theo sản phẩm quy định tại điều kiện giao dịch chung.

Theo hợp đồng bảo lãnh số: 270617-2865819-01-SME/HĐBL ngày 28/6/2017 bà Phan Thị Minh Hồng ký với Vpbank. Bên bảo lãnh là bà Phan Thị Minh H cam kết dùng mọi tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bảo lãnh để bảo đảm khả năng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH MTV Q đối với Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 270617-2865819-

01-SME ngày 28/6/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký kết giữa các bên được bảo lãnh và bên ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH MTV Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Vpbank kể từ ngày 25/11/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 31/5/2021, Công ty TNHH Q còn nợ của Vpbank số tiền:

- Nợ gốc: 168.839.205 đồng;
- Nợ lãi phải trả: 95.366.904 đồng.
- Nợ lãi phạt chậm trả: 3.330.333 đồng.

Tổng cộng: 267.536.442 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV Q phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền nợ gốc, lãi phải trả và lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2021 là 267.536.442 đồng (Trong đó nợ gốc 168.839.205 đồng, nợ lãi phải trả 95.366.904 đồng, nợ lãi phạt chậm trả: 3.330.333 đồng).

- Buộc Công ty TNHH MTV Q phải chịu chi phí đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng là 1.350.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 01/6/2021) Công ty TNHH MTV Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi Công ty TNHH MTV Q thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Trong trường hợp Công ty TNHH MTV Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình; hoặc các tài sản không đủ để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV Q thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản thuộc sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Phan Thị Minh Hồng là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH MTV Q, để thanh toán nợ tại VPBank.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 11/11/2020, Tòa án đã có thông báo thụ lý vụ án số: 55/2020/TB-TLVA và đã niêm yết Thông báo thụ lý, Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Báo tuổi trẻ và Trung tâm truyền hình Việt Nam tại thành phố Huế (VTV8) Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 07/5/2021, phiên tòa lần 1 vào lúc 09 giờ ngày 24/5/2021, trường hợp bà Phan Thị Minh H vắng mặt Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và mở lại vào lúc 09 giờ ngày 31/5/2021 để bà Phan Thị Minh H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đến Tòa án để làm việc, tham gia tố tụng, nhưng bà Phan Thị Minh Hồng không đến Tòa án để trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, bà Phan Thị Minh H vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Xét thấy: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng bà Phan Thị Minh H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Minh H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; từ khi thụ lý vụ án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa người được ủy quyền lại của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người được ủy quyền lại của nguyên đơn; người đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 274, 335, 336, 340, 342, 343, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đối với hợp đồng cho vay từng lần số: 270617-2865819-01-SME ngày 28/6/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T với Công ty TNHH MTV Q: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T buộc Công ty TNHH MTV Quân Thư phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phải trả và nợ lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2021 là: 109.029.041 đồng (Trong đó nợ gốc 70.465.947 đồng, nợ lãi phải trả 35.232.761 đồng, nợ lãi chậm trả là 3.330.333 đồng).

- Đối với giấy đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 22/6/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T với Công ty TNHH MTV Q: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T buộc Công ty TNHH MTV Q phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam

T toàn bộ số nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2021 là: 98.373.258 đồng; còn nợ lãi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 01/6/2021) Công ty TNHH MTV Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi Công ty TNHH MTV Q thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Trường hợp Công ty TNHH MTV Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình; hoặc các tài sản không đủ thanh toán các khoản nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV Q thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Phan Thị Minh H, là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH MTV Q thực hiện thay toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV Q theo hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký kết.

2. Về chi phí đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Là 1.350.000 đồng, Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu bị đơn Công ty TNHH MTV Q phải chịu toàn bộ. Do Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã nộp đủ chi phí, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Công ty TNHH MTV Q phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH MTV Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) mà Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000691, ngày 11/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Minh H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa người được ủy quyền lại của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người được ủy quyền lại của nguyên đơn.

Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T, thấy rằng:

Ngày 28/6/2017, Công ty TNHH MTV Q có ký với Ngân hàng TMCP Việt Nam T hợp đồng cho vay từng lần số: 270617-2865819-01-SME ngày 28/6/2017 để vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay tính từ ngày 28/6/2017 đến ngày 28/6/2020 (Kèm theo khế ước nhận nợ số: 280617-2865819-01-SME ngày 28/6/2017); mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 21,9%/năm, mức lãi suất này được áp dụng để tính lãi theo phương thức lãi quy định tại Hợp đồng cho vay với một năm là 360 ngày; lãi suất cho vay trong hạn cố định trong vòng 02 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết hạn 02 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 28/8/2017 mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là trên 02 năm đến = 3năm và kỳ điều chỉnh lãi suất là 02M (+) biên độ 14%/năm. (Mức lãi suất cho vay điều chỉnh); mức lãi suất cho vay điều chỉnh được áp dụng để tính lãi theo phương thức tính lãi quy định tại Hợp đồng cho vay với một năm là 360 ngày.

Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (Lãi suất quá hạn) bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày. Số tiền lãi mỗi kỳ = Dư nợ gốc thực tế tại thời điểm tính lãi x số ngày thực tế của kỳ tính lãi x Lãi suất đang áp dụng tại thời điểm tính lãi /360; các kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 (Sau đây gọi là kỳ trả nợ gốc), kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/7/2017, tổng cộng gồm 36 kỳ. Số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), riêng kỳ cuối cùng trả 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Các kỳ trả nợ lãi: Bên vay phải trả cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 (Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/7/2017.

Để đảm bảo cho khoản vay trên bà Phan Thị Minh H và Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã ký hợp đồng bảo lãnh số: 270617-2865819-01-SME/HĐBL, ngày 28/6/2017 với nghĩa vụ được bảo lãnh và thời hạn bảo lãnh: Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ - được hiểu là bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp (Chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền thi hành án ...) và tất cả các nghĩa vụ khác – của bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng phát sinh từ hợp đồng cho vay số 270617-2865819-01-SME ngày 28/6/2017 và các hợp đồng,

văn bản tín dụng khác ký giữa bên được bảo lãnh và bên Ngân hàng bao gồm các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan (Sau đây gọi là “Văn kiện tín dụng”).

Trong quá trình vay vốn đến ngày 24/9/2019 Công ty TNHH MTV Q đã trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền nợ gốc 308.000.000 đồng, đến ngày 27/4/2021 Công ty TNHH MTV Q tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T thêm số tiền nợ gốc 21.534.053 đồng; tổng cộng Công ty TNHH MTV Q đã trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T toàn bộ số tiền nợ gốc là 329.534.053 đồng; đến ngày 27/12/2019 Công ty TNHH MTV Q đã trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền nợ lãi 129.323.069 đồng. Do Công ty TNHH MTV Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 25/11/2019 Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, tính đến ngày 31/5/2021 Công ty TNHH MTV Q còn nợ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T số nợ gốc, lãi phải trả và lãi chậm trả là 109.029.041 đồng (Trong đó nợ gốc 70.465.947 đồng, nợ lãi phải trả 35.232.761 đồng, nợ lãi chậm trả là 3.330.333 đồng).

Theo giấy đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 22/6/2017 Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã cấp cho Công ty TNHH MTV Q do người đại diện theo pháp luật là bà Phan Thị Minh Hồng, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV Q thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức 100.000.000 đồng; thời gian hạn mức là 05 năm; xác nhận rằng tỷ lệ thanh toán tối thiểu x% số dư cuối kỳ để xác định trị giá thanh toán tối thiểu theo quy định tại điều kiện giao dịch chung.

Lãi suất thẻ tín dụng trong hạn được xác định theo mức lãi suất do VPBank quy định từng thời kỳ, theo phương thức tính lãi: Tiền lãi Thẻ tín dụng được tính theo công thức sau: Tiền lãi thẻ tín dụng = Số tiền giao dịch x Lãi suất Thẻ tín dụng trong hạn x số ngày thực tế sử dụng vốn/360 ngày. Trong đó: Số tiền giao dịch là số tiền rút tại ATM/POS; hoặc số tiền thanh toán hàng hóa dịch vụ trừ (-) giá trị thanh toán tối thiểu. Thời điểm tính lãi được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các giao dịch ứng/rút tiền mặt: Giao dịch được tính lãi từ ngày giao dịch đến ngày chủ thẻ thanh toán giá trị giao dịch.

- Đối với các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ: (i) Vào hoặc trước ngày đến hạn thanh toán, nếu chúng tôi thanh toán toàn bộ dư nợ cuối kỳ sao kê (Bao gồm dư nợ của kỳ trước, dư nợ rút tiền mặt và thanh toán hàng hóa, dịch vụ, lãi, phí, phạt của kỳ sao kê đó VPBank sẽ không thu lãi đối với các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ kỳ sao kê đó.

- + Nếu chúng tôi không thanh toán toàn bộ dư nợ cuối kỳ sao kê (Bao gồm dư nợ của kỳ trước, dư nợ rút tiền mặt và thanh toán hàng hóa, dịch vụ, lãi, phí, phạt của kỳ sao kê đó) hoặc thanh toán nợ sau ngày đến hạn hoặc chỉ thanh toán một phần dư nợ cuối kỳ sao kê thì giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ của chúng tôi sẽ được VPBank tính lãi từ ngày giao dịch đến ngày chúng tôi thanh toán giá trị giao dịch.

+ Các giao dịch có tra soát: Tiền lãi đối với các giao dịch có rà soát được tính theo nguyên tắc của giao dịch ứng/rút tiền mặt và giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm e khoản 9 cam kết của khách hàng. Ngân hàng sẽ hoàn lại lãi đối với những giao dịch có tra soát, khiếu nại đúng.

- Đồng ý lãi suất quá hạn và phí chậm trả theo nguyên tắc sau:

+ Trong vòng 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu chúng tôi không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên sao kê kỳ gần nhất: Phần giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng. Số dư nợ còn lại (Sau khi đã trừ đi trị giá thanh toán tối thiểu) vẫn được tính theo mức lãi suất thẻ tín dụng trong hạn đang áp dụng.

+ Sau 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán đầu tiên mà khách hàng không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu ghi trên sao kê gần nhất: Toàn bộ dư nợ của khách hàng sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng.

+ Ngoài khoản lãi quá hạn, khách hàng phải thanh toán khoản phí chậm trả (Nếu có) theo quy định của VPBank từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến ngày 31/5/2021 Công ty TNHH MTV Q đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 977.428.699 đồng; từ ngày 05/10/2017 đến ngày 05/4/2020 Công ty TNHH MTV Q đã trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 819.955.172 đồng. Như vậy, tính đến ngày 31/5/2021 Công ty TNHH MTV Q còn nợ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T nợ gốc, nợ lãi phải trả là 158.507.401 đồng (Trong đó nợ gốc 98.373.258 đồng, nợ lãi phải trả là 60.134.143 đồng).

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV Q phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phải trả và nợ lãi phạt chậm trả theo hợp đồng cho vay từng lần số: 270617-2865819-01-SME ngày 28/6/2017 (Kèm theo khế ước nhận nợ số: 280617-2865819-01-SME ngày 28/6/2017) và theo giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế không có tài sản đảm bảo, ngày 22/6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2021 là: 267.536.442 đồng (Trong đó nợ gốc 168.839.205 đồng, nợ lãi phải trả 95.366.904 đồng, nợ lãi phạt chậm trả 3.330.333 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/6/2021 cho đến khi Công ty TNHH MTV Q trả hết nợ vay theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo là có căn cứ đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về chi phí đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Là 1.350.000 đồng, Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu bị đơn Công ty TNHH MTV Q phải chịu toàn bộ. Do Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã nộp đủ chi phí, nên cần buộc Công ty TNHH MTV Q phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tổng cộng cả hai khoản nợ gốc, nợ lãi phải trả, nợ lãi phạt chậm trả và chi phí đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Buộc Công ty TNHH MTV Q phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T tổng số tiền: 267.536.442 đồng + 1.350.000 đồng = 268.886.442 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

Trường hợp Công ty TNHH MTV Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình; hoặc các tài sản không đủ thanh toán các khoản nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV Q thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Phan Thị Minh H, là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH MTV Q, để thanh toán nợ tại VPBank, theo hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký kết.

[4] Về án phí:

- Buộc Công ty TNHH MTV Q phải chịu 267.536.442 đồng x 5% = 13.376.822 đồng (Mười ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi hai đồng), tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Việt Nam T không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) mà Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000691, ngày 11/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 335, 336, 340, 342, 343, 463, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T, buộc Công ty TNHH MTV Q phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phải trả và nợ lãi phạt chậm trả là 267.536.442 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 01/6/2021) Công ty TNHH MTV Quân Thư còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi Công ty TNHH MTV Quân Thư thanh toán xong toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

2. Về chi phí đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Buộc Công ty TNHH MTV Q phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tổng cộng cả hai khoản nợ gốc, nợ lãi phải trả, nợ lãi phạt chậm trả và chi phí đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Buộc Công ty TNHH MTV Q phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T với tổng số tiền 268.886.442 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

Trường hợp Công ty TNHH MTV Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình; hoặc các tài sản không đủ thanh toán các khoản nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV Q thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Phan Thị Minh H, là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH MTV Q, để thanh toán nợ tại VPBank, theo hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký kết.

3. Về án phí:

- Buộc Công ty TNHH MTV Q phải chịu 13.376.822 đồng (Mười ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi hai đồng), tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) mà Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000691, ngày 11/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn

